



TẬP ĐOÀN DẦU KHÍ QUỐC GIA VIỆT NAM
TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI DẦU KHÍ

Tầng 4, Tòa nhà H3, số 384 Hoàng Diệu, P.6, Q.4, Tp. Hồ Chí Minh, Việt Nam
 Tel: (84.8) 3 911 1301 Fax: (84.8) 3 911 1300 Website: http://www.pvtrans.com

Mẫu số B 02-DN/HN (Ban hành theo QĐ số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20/03/2006 của Bộ trưởng BTC)

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT QUÍ 4 NĂM 2010

Đơn vị tính : VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Th minh	Quý báo cáo		Lũy kế đầu năm đến kỳ báo cáo	
			Năm nay	Năm trước	Năm nay	Năm trước
1	2	3	4	5	6	7
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	VI.25	1,032,987,791,993	803,358,678,261	3,527,449,425,374	1,923,657,126,693
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02		-	(28,672,549)	54,394,663	6,711,948
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ (10=01-02)	10		1,032,987,791,993	803,387,350,810	3,527,395,030,711	1,923,650,414,745
4. Giá vốn hàng bán	11	VI.28	941,457,031,035	687,451,204,537	3,160,228,311,750	1,774,512,002,991
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ (20=10-11)	20		91,530,760,958	115,936,146,273	367,166,718,961	149,138,411,754
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.29	95,465,283,921	21,839,954,399	195,595,114,620	128,222,242,580
7. Chi phí tài chính	22	VI.30	126,417,023,651	111,263,185,615	395,697,395,066	186,075,586,110
Trong đó : Chi phí lãi vay	23		29,565,658,040	41,063,781,586	131,245,727,188	105,480,410,708
8. Chi phí bán hàng	24		951,250,052	564,136,261	4,511,142,244	3,518,959,810
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	25		24,758,117,051	31,173,509,596	95,483,313,452	89,899,299,690
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh:	30		34,869,654,125	(5,224,730,800)	67,069,982,819	(2,133,191,276)
11. Thu nhập khác	31		17,724,609,516	11,928,374,946	39,369,836,056	13,952,811,083
12. Chi phí khác	32		20,697,034,832	2,193,350,566	38,865,113,417	2,324,990,420
13. Lợi nhuận khác (40=31-32)	40		(2,972,425,316)	9,735,024,380	504,722,639	11,627,820,663
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50=30+40)	50		31,897,228,809	4,510,293,580	67,574,705,458	9,494,629,387
15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	VI.31	8,505,753,888	6,281,656,006	47,633,759,141	24,127,408,709
16. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52	VI.32	(130,965,267)	2,199,540,621	(130,965,267)	2,199,540,621
17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (60 = 50-51-52)	60		23,522,440,189	(3,970,903,047)	20,071,911,584	(16,832,319,943)
Trong đó: Cổ đông thiểu số	61		15,825,702,945	(12,612,706,813)	(33,815,424,157)	(25,559,341,396)
Cổ đông Công ty mẹ	62		7,696,737,244	8,641,803,767	53,887,335,741	8,727,021,453
18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu (*)	70		33	59	234	59

Lập, Ngày 16 tháng 2 Năm 2011

NGƯỜI LẬP

Trần Đình Hiếu

KẾ TOÁN TRƯỞNG

Nguyễn Thị Kim Anh

TỔNG GIÁM ĐỐC

Phạm Việt Anh